

NHẬN DIỆN TỔNG QUAN VỀ NĂM TÔN GIÁO LỚN Ở TRUNG QUỐC HIỆN NAY

***Tóm tắt:** Trung Quốc là một quốc gia có nhiều loại hình tôn giáo, tuy nhiên, Nhà nước Trung Quốc chỉ chính thức công nhận và bảo hộ 5 tôn giáo là Phật giáo, Đạo giáo, Islam giáo, Công giáo và Tin Lành. Các tôn giáo này đều nỗ lực thích ứng với xã hội Trung Quốc trong từng thời kỳ lịch sử và phát huy vai trò tích cực của mình trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc. Tuy nhiên, trong mỗi tôn giáo đều tồn tại những hiện tượng phức tạp riêng như “vấn đề Tây Tạng” trong Phật giáo, “đạo sĩ tại gia” trong Đạo giáo, “Giáo hội Công giáo ngầm” trong Công giáo, “Hội Thánh Tin Lành tư gia” trong Tin Lành, v.v... Bài viết khái quát những nét chính yếu về thực trạng của năm tôn giáo này ở Trung Quốc.*

***Từ khóa:** Phật giáo, Đạo giáo, Islam giáo, Công giáo, Tin Lành, Trung Quốc.*

Trung Quốc là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo. Trong tiến trình phát triển lâu dài của lịch sử, ở Trung Quốc đã có 5 tôn giáo lớn cùng tồn tại và phát triển, đó là: Phật giáo, Đạo giáo, Islam giáo (Trung Quốc gọi là Hồi giáo), Công giáo (Trung Quốc gọi là Thiên Chúa giáo) và Tin Lành (Trung Quốc gọi là Tân giáo). Ngoài Đạo giáo là tôn giáo nội sinh, các tôn giáo còn lại đều được du nhập từ nước ngoài vào.

1. Phật giáo: được du nhập vào Trung Quốc vào khoảng hơn 2.000 năm trước, lưu truyền và phát triển cho đến ngày nay. Phật giáo Trung Quốc hình thành ba dòng lớn là Phật giáo Hán truyền (ngữ hệ Hán), Phật giáo Tạng truyền (ngữ hệ Tạng) và Phật giáo Nguyên thủy vùng Vân Nam (ngữ hệ Pali).

Phật giáo Hán truyền hay còn gọi là Phật giáo ngữ hệ Hán là dòng Phật giáo Ấn Độ được truyền bá ở phía Bắc Trung Quốc, hình thành

* Nghiên cứu sinh Khoa Tôn giáo học, Học viện Khoa học xã hội.

trong các vùng dân tộc Hán của Trung Quốc. Thời kỳ Tùy - Đường, thời kỳ thống nhất về chính trị, phồn vinh về kinh tế, giao lưu văn hóa rộng mở, có thể coi là thời kỳ phát triển thịnh vượng nhất của Phật giáo Hán truyền. Trong thời kỳ này, rất nhiều tông phái Phật giáo đã xuất hiện. Sự phát triển của các tông phái này rất không ổn định, một số tông phái dần dần hòa vào nhau, một số khác được lưu truyền cho đến tận ngày nay, lại có một số tông phái được truyền bá sang các nước khác như Nhật Bản, Triều Tiên, Hàn Quốc,... Trong các tông phái của Phật giáo Hán truyền, Thiền tông và Tịnh Độ tông là hai tông phái lưu truyền lâu nhất, sức ảnh hưởng rộng nhất và hiện nay đang trở thành dòng chủ lưu của Phật giáo Hán truyền.

Phật giáo Tạng truyền hay còn gọi là Phật giáo ngữ hệ Tạng hay Lạt Ma giáo là một nhánh của Phật giáo Trung Quốc, chủ yếu lưu truyền ở các khu vực dân tộc thiểu số cư trú như Tây Tạng, Mông Cổ, Dục Cỗ, Thổ, Nạp Tây, v.v.. Phật giáo Tạng truyền được hình thành do sự kết hợp và ảnh hưởng lẫn nhau của Mật giáo truyền vào từ Ấn Độ, Phật giáo Đại thừa truyền vào từ đất Hán và tôn giáo nguyên thủy của khu vực dân tộc Tạng¹.

Sự phát triển của Phật giáo Tạng truyền được phân thành hai giai đoạn: “tiền hồng kỳ” và “hậu hồng kỳ”. “Tiền hồng kỳ” là thời kỳ từ giữa thế kỷ VII đến nửa đầu thế kỷ IX, tất cả vào khoảng 200 năm. Tuy nhiên, sau đó do gặp phải sự chống đối kịch liệt của tôn giáo bản địa nên sự truyền bá Phật giáo liên tục gặp trắc trở. Đến tận cuối thế kỷ X, Phật giáo mới lại được truyền vào Tây Tạng và phục hưng, đây chính là sự bắt đầu của “hậu hồng kỳ”. Thời kỳ phục hưng này của Phật giáo có những biến đổi lớn so với “tiền hồng kỳ”. Sau một thời gian dài đấu tranh với tôn giáo bản địa, những người truyền bá Phật giáo nhận thức sâu sắc rằng, chỉ dựa vào sự ủng hộ của tầng lớp thống trị thì vẫn chưa đủ mà cần phải làm cho Phật giáo ăn sâu bám rễ vào mảnh đất văn hóa của Tây Tạng, chỉ có như vậy Phật giáo mới có thể đứng vững trên mảnh đất ấy. Do vậy, trong giai đoạn này, đặc điểm nổi bật của Phật giáo là tiếp thu rất nhiều nội dung của tôn giáo bản địa, hình thành nên Phật giáo mang đặc sắc Tây Tạng. Sau thế kỷ X, do phương thức tu hành, hệ thống truyền thừa trong nội bộ Phật giáo không thống nhất, do sự tranh đấu giữa các thế lực tăng tục cát cứ, Phật giáo dần dần bị phân tách ra thành nhiều giáo phái. Thời kỳ đầu chủ yếu gồm các phái: Ninh Ma (tục gọi Hồng giáo), Sát Ca (tục gọi Hoa giáo), Cát Cữ phái (tục gọi Bạch giáo),...

Đầu thế kỷ XII, đại sư Tông Cách Ba tiến hành cải cách tôn giáo, sáng lập nên Cách Lỗ phái (tục gọi Hoàng giáo). Dưới sự ủng hộ của triều đình nhà Thanh, từ giữa thế kỷ XVII, Cách Lỗ phái nắm đại quyền chính trị và tôn giáo tại Tây Tạng. Do chính quyền Tây Tạng thực hiện không chế có hiệu quả toàn khu vực Tây Tạng, Cách Lỗ phái xác lập được địa vị thống trị của mình với các tông phái khác nên từ đó không xuất hiện thêm một giáo phái mới nào.

Phật giáo Nguyên thủy vùng Vân Nam hay còn gọi là Phật giáo ngữ hệ Pali và Phật giáo Nam truyền là một nhánh của Phật giáo Ấn Độ được truyền sang phía Nam Trung Quốc thông qua các quốc gia như Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan. Phật giáo Nguyên thủy vùng Vân Nam du nhập vào Trung Quốc vào khoảng thế kỷ VII, chủ yếu phân bố tại các vùng dân tộc thiểu số tỉnh Vân Nam như Tây Song Bản Nạp, Đức Hồng, v.v.. Lúc đầu, phái này không xây dựng hệ thống chùa chiền, tư tưởng Phật giáo cũng chỉ được truyền miệng từ người này qua người khác, sau đó do ảnh hưởng của chiến tranh nên bị tiêu diệt. Đến thế kỷ XII, Phật giáo lại từ Thái Lan qua Myanmar truyền vào Tây Song Bản Nạp, cùng với đó là sự du nhập của hệ thống kinh sách của Phật giáo Thái Lan. Phật giáo Myanmar (phái Bài Trang) cũng truyền vào Đức Hồng và một số khu vực khác của tỉnh Vân Nam. Từ sau thế kỷ XV, Phật giáo bắt đầu có bước phát triển mạnh mẽ tại Vân Nam. Phật giáo Nguyên thủy vùng Vân Nam gồm bốn phái là Nhuận, Bài Trang, Đa Liệt, Tả Đê; chủ yếu truyền bá trong các dân tộc thiểu số như dân tộc Tái, dân tộc Bố Lãng, dân tộc A Xương của tỉnh Vân Nam.

Sau thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, trong điều kiện lịch sử xã hội mới, Phật giáo Trung Quốc đã có những bước phát triển mới. Thông qua cuộc cải cách dân chủ rộng rãi, trong các chùa chiền Phật giáo đã xóa bỏ được chế độ đẳng cấp và thực hiện sự quản lý dân chủ. Vai trò và vị thế chính trị - xã hội của đông đảo quần chúng tín đồ Phật giáo Trung Quốc được nâng lên đáng kể. Năm 1953, Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc - tổ chức Phật giáo toàn quốc đại diện cho tín đồ của các dân tộc, các khu vực và các tông phái Phật giáo chính thức được thành lập. Từ đây, các khu vực cũng lần lượt thành lập hiệp hội và phân hội địa phương. Theo các đánh giá của giới nghiên cứu Trung Quốc, vài chục năm trở lại đây, Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc, các Hiệp hội Phật giáo địa phương, các cơ sở thờ tự Phật giáo và tín đồ Phật giáo Trung Quốc

đều phát huy truyền thống tốt đẹp của Phật giáo Trung Quốc, kiên trì tư tưởng tiến bộ, tích cực của Phật giáo, tích cực đóng góp vào các lĩnh vực như văn hóa giáo dục, giao lưu đối ngoại, từ thiện xã hội, v.v.; đồng thời, góp sức cho sự nghiệp xây dựng nền văn minh vật chất và tinh thần của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc.

Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, sự phát triển của Phật giáo Trung Quốc đang đan xen nhiều phức tạp, đặc biệt là đối với nhánh Phật giáo Tạng truyền. “Vấn đề Tây Tạng” hiện đang là vấn đề nhức nhối của Trung Quốc. Mỗi quan hệ chính giáo hợp nhất, đặc thù của xã hội Tây Tạng với sự tập trung tối đa quyền lực trong tay vị Phật sống Đạt Lai Lạt Ma, đã tạo ra những căng thẳng khó điều hòa giữa Chính phủ Trung Quốc với Tây Tạng có bề dày lịch sử hàng trăm năm nay. “Vấn đề Tây Tạng” quả thực vẫn sẽ là một “lá bài chính trị” cho hoạt động lợi dụng tôn giáo của chủ nghĩa khủng bố và chủ nghĩa cực đoan tôn giáo.

2. Đạo giáo: là tôn giáo dân tộc duy nhất trong số năm tôn giáo lớn ở Trung Quốc. Đạo giáo có nguồn gốc từ tôn giáo truyền thống của Trung Quốc cổ đại, được hình thành vào khoảng thế kỷ II do Trương Lăng sáng lập. Đạo giáo lấy “Đạo đức kinh” và “Lão Tử” làm sách kinh điển cơ bản. Đạo giáo dựa trên nền tảng tư tưởng chủ đạo của Hoàng - Lão đời Hán, đồng thời tiếp thu vu thuật dân gian và tư tưởng quỷ thần thời cổ đại Trung Quốc. Đạo giáo theo đuổi việc “đắc đạo thành tiên, cứu tế thế nhân”. Hiện nay, Đạo giáo không chỉ được lưu truyền ở dân tộc Hán và một số dân tộc thiểu số của Trung Quốc mà còn trở thành tôn giáo có sức ảnh hưởng nhất định đối với khu vực Đông Á, Đông Nam Á, thậm chí đối với cả Phương Tây.

Trong lịch sử Trung Quốc, Đạo giáo đã từng được phân chia ra thành gần 100 tông phái. Từ triều đại nhà Nguyên cho đến nay, các tông phái của Đạo giáo dần hợp nhất. Hiện nay, về cơ bản, Đạo giáo gồm hai hệ phái lớn là Chính Nhất phái và Toàn Chân phái.

Chính Nhất phái được hình thành từ sự hợp nhất của các phái Long Hồ tông, Mao Sơn tông, Các Tào tông, Tịnh Minh tông, Thái Nhất đạo,... Đây là tên gọi chung cho các Đạo phái phù lục, tức là các phái dùng bùa để sai khiến quỷ thần của Đạo giáo. Chính Nhất phái coi trọng bùa chú, thường hướng tới các hoạt động cầu phúc tránh họa, xua tà đuổi quỷ, siêu độ vong linh,...

Toàn Chân phái do Vương Trùng Dương sáng lập vào năm Đại Định thứ 7 đời Kim Thế Tông. Phái này chủ trương hợp nhất tam giáo gồm Nho, Phật, Đạo; coi trọng “thanh tịnh vô vi”, tu tâm dưỡng tính, tế thế độ nhân,...”².

Kể từ sau thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, dưới sự khởi xướng của các Đạo sĩ yêu nước, Đạo giáo đã tiến hành thành công cuộc cải cách dân chủ thể chế tôn giáo, đồng thời chủ động loại bỏ dần những nội dung đối lập với pháp luật của Nhà nước Trung Quốc cũng như những nội dung không còn phù hợp với sự tiến bộ của xã hội. Do đó, diện mạo của Đạo giáo đã có những thay đổi đáng kể. Tháng 4 năm 1975, Hiệp hội Đạo giáo Trung Quốc được thành lập, chấm dứt thời kỳ “đạo bất tương đồng” giữa Chính Nhất phái và Toàn Chân phái; thực hiện đại hợp nhất, đại đoàn kết giữa các tín đồ Đạo giáo. Bước vào thập niên 1980, hàng loạt các đền miếu Đạo giáo bị phá hủy trong “Đại cách mạng Văn hóa” đã được khôi phục và trùng tu. Đến thập niên 1990, việc trùng tu các đền miếu Đạo giáo lại càng được đẩy mạnh. “Tính đến năm 1996, có tất cả 1.722 đền Đạo giáo được thành lập”³, trong đó “số tín đồ Đạo giáo cư trú tại đền tăng lên đến con số 7.135 vào năm 1996”⁴. Những năm gần đây, các hoạt động văn hóa, giao lưu đối ngoại của Đạo giáo như “Tết văn hóa Đạo giáo”, “Diễn đàn Đạo Đức kinh quốc tế”, “Diễn đàn Đạo giáo quốc tế”, v.v., ngày càng phát triển, có sức ảnh hưởng lớn đối với xã hội Trung Quốc.

Có thể nói, so với bốn tôn giáo ngoại nhập là Phật giáo, Islam giáo, Công giáo và Tin Lành, tình hình phát triển của Đạo giáo khá bình ổn. Tuy nhiên, sự phục hồi của Đạo giáo ở Trung Quốc hiện nay được nhận định là đang bước sang một giai đoạn mới với việc phục dựng và hồi sinh mạnh mẽ các nghi lễ thụ phong cho các đạo sĩ. Dòng Toàn Chân của Đạo giáo, các đạo sĩ chủ yếu sống độc thân tại các đền miếu, nhưng dòng Chính Nhất, các đạo sĩ đa số kết hôn và sống tại gia đình. Theo số liệu thống kê của Hiệp hội Đạo giáo Trung Quốc, năm 1996, Trung Quốc đã có khoảng 20.000 “đạo sĩ tại gia”. Họ thường xuyên tổ chức các buổi cầu kinh và thực hiện nghi lễ cúng tế của Đạo giáo bên ngoài đền miếu, trong cộng đồng của mình, trên khắp đất nước Trung Quốc. Điều này gây nên khó khăn lớn cho Hiệp hội Đạo giáo Trung Quốc cũng như chính quyền các cấp ở Trung Quốc, mà trực tiếp là Cục Sự vụ Tôn giáo các cấp trong việc thừa nhận tư cách chính thức cho các đạo sĩ có hôn thú tại gia và làm

thể nào để quản lý họ một cách hiệu quả, bởi trong rất nhiều trường hợp rất khó để có thể phân biệt họ với các thầy phù thủy có hoạt động tôn giáo bị coi là mê tín và bị pháp luật cấm chỉ. Những năm qua, bắt chấp chính sách kiểm soát của Nhà nước Trung Quốc đối với các “đạo sĩ tại gia”, họ vẫn tiếp tục cuộc sống theo nghi thức tế lễ của mình⁵.

3. Islam giáo: được du nhập vào Trung Quốc từ khu vực Trung Đông. Theo giới sử học Trung Quốc, tôn giáo này chính thức truyền sang Trung Quốc vào năm Vĩnh Huy thứ hai (năm 651) đời Đường Cao Tông. Islam giáo chủ yếu phân bố ở vùng Tây Bắc của Trung Quốc, đặc biệt phát triển ở Tân Cương, Ninh Hạ, Cam Túc, Thanh Hải, Thiểm Tây. Tín đồ Islam giáo ở khu tự trị dân tộc Duy Ngô Nhĩ tỉnh Tân Cương, khu tự trị dân tộc Hồi tỉnh Ninh Hạ và khu vực Cam Túc, Thanh Hải chiếm 70% tín đồ Islam giáo ở Trung Quốc; 30% tín đồ còn lại chủ yếu là dân tộc Hồi, phân bố trong các tỉnh thành khác của Trung Quốc.

Trung Quốc có 10 vùng dân tộc thiểu số theo Islam giáo là Hồi, Duy Ngô Nhĩ, Kazakh, Uzbek, Khalkhas, Tajik, Tartar, Đông Hương, Salar, Baoan. Trong lịch sử Trung Quốc, Islam giáo từng được gọi là “Đại Thực pháp”, “Đại Thực giáo độ”, “Thiên Phương giáo”, “Thanh Chân giáo”, “Hồi Hột giáo”, “Hồi giáo”,...

Trên thế giới, Islam giáo chủ yếu phân thành ba hệ phái là Sunni, Shiite và Sufi, trong mỗi hệ phái lại phân thành các trường phái với giáo luật khác nhau. Đại bộ phận tín đồ Islam giáo Trung Quốc đều thuộc phái Sunni, theo giáo luật của trường phái Hanafiyah. Trong quá trình truyền bá và phát triển ở Trung Quốc, phái Sunni lại chia thành các chi phái như Cách Địch Mục, Y Hách Ngõa Ni, Tây Đạo Đường, Triết Hách Lâm Da, Hồ Phu Da, Ca Địch Lâm Da, Khố Bố Lâm Da, Y Thiên,... Niềm tin và bốn phận tôn giáo cơ bản của các chi phái này giống nhau, chỉ khác nhau ở giáo luật và cách thức thực hành tôn giáo. Hiện nay, Islam giáo Trung Quốc chủ yếu gồm ba chi phái là Cách Địch Mục, Y Hách Ngõa Ni, Tây Đạo Đường và bốn môn thần phân bố ở nội địa Trung Quốc, ngoài ra còn có chi phái Islam giáo Tân Cương phân bố ở vùng Tân Cương, Trung Quốc.

Kể từ sau thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, tín đồ Islam giáo Trung Quốc được giải phóng hoàn toàn về địa vị chính trị - xã hội. Để thích ứng với cuộc cải cách quan trọng về thể chế kinh tế - chính trị - xã hội ở Trung Quốc, tín đồ Islam giáo cũng đã tiến hành một số cải cách

quan trọng, xóa bỏ chế độ áp bức, bóc lột trong tín đồ Islam giáo, đồng thời xóa bỏ một số tập tục của Islam giáo không còn phù hợp với sự phát triển của xã hội. Tháng 5 năm 1953, Hiệp hội Islam giáo Trung Quốc - tổ chức Islam giáo yêu nước toàn quốc được thành lập tại Bắc Kinh. Theo nghiên cứu của các học giả Trung Quốc, từ cải cách mở cửa đến nay, hoạt động giao lưu đối ngoại của tín đồ Islam giáo không ngừng được mở rộng, xây dựng được các mối quan hệ tốt đẹp với nhiều quốc gia Islam giáo và các tổ chức Islam giáo quốc tế. Hiện nay, đông đảo tín đồ Islam giáo đều nỗ lực đóng góp cho sự phát triển phồn vinh của xã hội Trung Quốc.

Tuy nhiên, vụ bạo động tôn giáo đẫm máu diễn ra ở khu tự trị Tân Cương ngày 5/7/2009 đã đặt ra câu hỏi lớn về tình hình phát triển ổn định của Islam giáo tại Trung Quốc. Sự kiện trên đã có nhiều lời bình luận, đánh giá của giới chuyên gia nghiên cứu Trung Quốc ở các nước trên thế giới. Họ cho rằng, đây thực chất là mâu thuẫn dân tộc giữa người Duy Ngô Nhĩ và người Hán. Nguyên nhân của mâu thuẫn này nằm trong chính sách khai thác quá đáng và phân phối bất bình đẳng về tài nguyên, nguồn lực của chính quyền Trung ương Trung Quốc đối với người dân bản địa. Về phía chính phủ Trung Quốc và phía Hiệp hội Islam giáo toàn quốc, họ khẳng định đây là tội phạm bạo lực, không liên quan tới vấn đề dân tộc và tôn giáo. Dù là hoạt động tội phạm hay mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo thì sự kiện này cũng cho thấy diễn biến vô cùng phức tạp của Islam giáo tại Tân Cương. Về địa - chính trị, “Tân Cương tiếp giáp với phía Đông khu vực Trung Á nên có quan hệ mật thiết không tách rời với thế lực khủng bố, thế lực tôn giáo cực đoan, thế lực ly khai dân tộc rất sôi động ở khu vực này”⁶. Chính vì lẽ đó, trong lịch sử, vấn đề Tân Cương vốn đã không hề đơn giản với việc hai lần thành lập “nước Cộng hòa Đông Đột stan”. Đến nay, vấn đề Tân Cương lại càng trở nên nóng bỏng với hoạt động lợi dụng tôn giáo tiến hành ly khai dân tộc của các thế lực bên trong Trung Quốc, đồng thời có sự kết hợp chặt chẽ với các tổ chức khủng bố ở nước ngoài.

4. Công giáo: là tôn giáo thế giới thứ ba truyền vào Trung Quốc sau Phật giáo và Islam giáo. Ngay từ đời Đường, năm Trinh Quan thứ 9 (năm 635), một nhánh của Công giáo được truyền vào khu vực Thiểm Tây, với tên gọi là “Cảnh giáo”, lưu truyền khoảng 200 năm thì diệt vong.

Đời Nguyên, giáo sĩ dòng Francisco, người Italia, là John de Plano Carpini và giáo sĩ người Pháp William of Rubruck đến Trung Quốc

truyền giáo. Năm 1294, giáo sĩ dòng Francisco người Italia là Giovanni de Montecorvino đến Trung Quốc với tư cách sứ thần Tòa Thánh La Mã, không lâu sau đã lãnh nhận chức Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Bắc Kinh. Từ đó, các giáo sĩ Công giáo nước ngoài liên tục đến Trung Quốc truyền giáo. Tuy nhiên, sau khi nhà Nguyên sụp đổ, Công giáo cũng bị diệt vong.

Vào thế kỷ XVI, Công giáo lại được truyền vào Trung Quốc cùng với làn sóng xâm lược của chủ nghĩa thực dân. Những nỗ lực lập tổ chức giáo hội địa phương và truyền giáo của các giáo sĩ Phương Tây đã thành lập được 13 hội sở truyền giáo, với khoảng 150.000 tín đồ ở cuối đời Minh tại Bắc Kinh, Nam Kinh và 8 tỉnh khác.

Đầu đời Thanh, các giáo sĩ Công giáo nước ngoài tiếp tục đưa khoa học kỹ thuật tiên bộ của Phương Tây vào Trung Quốc, nhờ đó đã giành được sự tín nhiệm của vua Khang Hy. Khang Hy từng hạ lệnh cho phép dân chúng theo Công giáo. Nhờ đó, trong thời kỳ này, Công giáo đã có bước phát triển khá lớn, tín đồ lên đến 300.000 người. Sau đó, do Tòa Thánh La Mã và các giáo sĩ nước ngoài không cho phép tín đồ Trung Quốc được thờ cúng tổ tiên nên dẫn đến cuộc chiến tranh hơn 100 năm dưới triều Thanh. Từ đó, Công giáo dần suy yếu. Đến cuối thế kỷ XVIII, tín đồ Công giáo ở Trung Quốc chỉ còn khoảng 200.000 người. Sau Chiến tranh Nha phiến năm 1840, chủ nghĩa đế quốc mà đại biểu là các nước Anh, Pháp buộc triều đình nhà Thanh lần lượt ký các điều ước bất bình đẳng như: “Điều ước Nam Kinh”, “Điều ước Vọng Hạ”, “Điều ước Thiên Tân”, “Điều ước Bắc Kinh”, “Điều ước Tân Sửu”. Trong các điều ước đó có nội dung buộc Trung Quốc phải hủy bỏ việc cấm truyền giáo ở Trung Quốc và phải bảo hộ cũng như cho các nước Phương Tây đặc quyền chính trị. Cũng từ đây, Công giáo thâm nhập vào nội địa Trung Quốc, phát triển tín đồ rộng rãi. Năm 1900, tín đồ Công giáo đạt 720.000 người, năm 1921 hơn 2.000.000 người, năm 1945 hơn 3.000.000 người⁷.

Năm 1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, chấm dứt thời kỳ chủ nghĩa đế quốc khống chế Trung Quốc. Công giáo Trung Quốc nhờ đó cũng thoát khỏi sự khống chế của các thế lực nước ngoài, thực hiện cuộc cải cách Công giáo, xây dựng giáo hội Công giáo “độc lập, tự chủ, tự xây dựng” (Tam tự).

Ngày 30/11/1950, tại huyện Quảng Nguyên, tỉnh Tứ Xuyên, Giám mục Vương Lương cùng hơn 500 tín đồ đưa ra “Tuyên ngôn cải cách độc

lập, tự chủ”, chủ trương xây dựng giáo hội “tự trị, tự dưỡng, tự truyền”, cắt đứt mọi mối liên hệ với các thế lực nước ngoài. Chủ trương này đã nhận được sự đồng tình, hưởng ứng rộng rãi của đông đảo tín đồ Công giáo và quần chúng nhân dân Trung Quốc, đồng thời nhận được sự ủng hộ to lớn của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Nhà nước Trung Quốc. Năm 1957, Hiệp hội Công giáo yêu nước Trung Quốc được thành lập. Theo nhận định chung của giới học giả Trung Quốc, hiện nay đông đảo tín đồ Công giáo Trung Quốc đều đồng sức, đồng lòng cùng nhân dân các dân tộc Trung Quốc cống hiến sức lực và trí tuệ của mình cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc.

Song, hiện đang tồn tại một thực tế khá phức tạp trong Công giáo Trung Quốc. Sau khi thành lập nước, Đảng Cộng sản Trung Quốc và Chính phủ Trung Quốc đã hết sức nỗ lực trong việc đặt Công giáo trong tầm kiểm soát của mình để tránh sự thâm nhập của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân. Điều này dẫn tới việc thực hiện nguyên tắc Tam tự trong Giáo hội Công giáo Trung Quốc. Nguyên tắc này quy định Giáo hội Công giáo Trung Quốc vẫn sẽ “vâng phục Giáo hoàng về học thuyết và giáo lý”⁸, tuy nhiên sẽ kiên quyết “cắt đứt quan hệ chính trị và kinh tế với Vatican, chống lại sự can thiệp của Vatican vào công việc nội bộ của Trung Quốc với danh nghĩa tôn giáo”⁹. Kể từ đây, Giáo hội Công giáo Trung Quốc tự tiến hành tấn phong giám mục mà không thông qua sự phê chuẩn của giáo hoàng. Bất bình trước chính sách này của Chính phủ Trung Quốc, Vatican đã ủng hộ và chỉ đạo sự hoạt động của “Giáo hội Công giáo ngầm” trong lòng Giáo hội Công giáo Trung Quốc. Sự song song tồn tại của hai giáo hội đối lập nhau giữa một bên là Giáo hội Công giáo yêu nước Trung Quốc đặt dưới sự quản lý của Chính phủ Trung Quốc và một bên là Giáo hội Công giáo ngầm dưới sự chỉ đạo của Vatican đang gây ra nhiều bất ổn khó đoán định trong Công giáo Trung Quốc, đặt ra bài toán nan giải cho các cấp Chính quyền ở Trung Quốc.

5. Tin Lành: được du nhập vào Trung Quốc muộn hơn Công giáo. Nhìn chung, quá trình du nhập và truyền bá của Công giáo và Tin Lành tại Trung Quốc khó khăn hơn rất nhiều so với Phật giáo và Islam giáo. Tin Lành chính thức du nhập vào Trung Quốc vào khoảng đầu thế kỷ XIX.

Năm Gia Khánh thứ 12 (năm 1807) đời Thanh Nhân Tông, giáo sĩ người Anh, Robert Morrison, đến Trung Quốc, trở thành giáo sĩ đầu tiên

truyền bá Tin Lành ở Trung Quốc. Sau khi Morrison hoàn thành việc biên dịch hai cuốn sách quan trọng là “Kinh Thánh” và “Tự điển Hán - Anh”, giáo sĩ các nước Phương Tây lần lượt tới Trung Quốc truyền giáo. Tuy nhiên, lúc ấy do chính sách cấm đạo của triều đình nhà Thanh nên Tin Lành chưa được phát triển¹⁰.

Cũng giống như Công giáo, Tin Lành chỉ thực sự phát triển rộng rãi tại Trung Quốc từ sau Chiến tranh Nha phiến. Nhờ một loạt các điều ước bất bình đẳng mà triều đình nhà Thanh phải ký kết với các nước đế quốc, các nhà truyền giáo Phương Tây đã giành được đặc quyền về chính trị, lấy đó làm lá bùa hộ mệnh để tiến sâu vào nội địa, phát triển tín đồ Tin Lành tại Trung Quốc. Năm 1900, tín đồ Tin Lành trong toàn Trung Quốc là 80.000 người. Năm 1922 tăng lên 400.000 người. Và đến trước khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, số lượng tín đồ Tin Lành đã đạt tới 700.000 người với 130 hội truyền giáo hoạt động tại Trung Quốc.

Từ sau ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Tin Lành Trung Quốc đã có những thay đổi đáng kể. Để thoát khỏi sự chi phối của các thế lực nước ngoài, tín đồ Tin Lành Trung Quốc dưới sự khởi xướng và phát động của các nhân sĩ yêu nước, đứng đầu là Ngô Diệu Tông, đã thực hiện phong trào “Tam Tự”: tự trị, tự dưỡng, tự truyền. Năm 1954, Ủy ban vận động “Tam Tự” của Tin Lành Trung Quốc được thành lập. Từ đây, Hội Thánh Tin Lành Trung Quốc thực hiện tự trị, tự dưỡng, tự truyền; đồng thời nỗ lực phấn đấu từ “Tam Tự” phát triển thành “Tam Hảo” (trì tốt, dưỡng tốt và truyền tốt). Năm 1980, Hiệp hội Tin Lành Trung Quốc được thành lập. Hiện nay, Tin Lành Trung Quốc tiếp tục kiên trì phương châm yêu nước “Tam Tự”, triển khai các hoạt động tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật, đồng thời tích cực đóng góp cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc và Nhà nước Trung Quốc.

Tuy nhiên, những năm gần đây, sự phát triển mạnh mẽ và ồ ạt của Hội Thánh Tin Lành tư gia phi chính thức bên cạnh Hội Thánh Tin Lành Tam Tự Trung Quốc là vấn đề mà Chính phủ Trung Quốc đang phải đương đầu. Phong trào hội thánh tư gia, theo các đánh giá ở cả trong nước và ngoài nước, phạm vi ngày càng được mở rộng, tới mức số tín đồ của nó thậm chí còn gấp đôi so với số tín đồ của các nhà thờ Tin Lành yêu nước được đăng ký, còn về mức độ ảnh hưởng tới xã hội Trung Quốc thì nó

cũng có ảnh hưởng sâu rộng hơn so với nhà thờ Tin Lành yêu nước luôn gắn với các tiêu chuẩn cần tuân thủ¹¹. Có thể thấy, những nỗ lực kiểm soát tôn giáo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đang đem lại những hệ quả trái ngược. Hội thánh tư gia của Tin Lành đang trở thành mối đe dọa tiềm ẩn lớn đối với Chính quyền Trung Quốc.

Nhìn chung, các tôn giáo lớn ở Trung Quốc đều đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc. Tuyet đại bộ phận chức sắc, chức việc và quần chúng tín đồ các tôn giáo ở Trung Quốc đều nỗ lực phát huy vai trò của mình trong việc xây dựng nền văn minh vật chất và tinh thần của chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, trong mỗi tôn giáo đều tồn tại những hiện tượng phức tạp riêng, đòi hỏi Chính phủ Trung Quốc trong quá trình hoạch định chủ trương, chính sách đối với tôn giáo cần đặc biệt lưu tâm./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Vương Tác An (2010), *Những vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Trung Quốc*, Nxb. Văn hóa Tôn giáo, Hà Nội: 19.
- 2 Ủy ban Hiệp thương chính trị toàn quốc về tôn giáo và dân tộc (2008), *Khái quát tôn giáo Trung Quốc*, Nxb. Lịch sử văn hóa Trung Quốc: 63 - 65.
- 3 Võ Kim Quyên (chủ biên, 2004), *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, tập 5, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 329.
- 4 Võ Kim Quyên (chủ biên, 2004), *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, tập 5, sđd: 330.
- 5 Võ Kim Quyên chủ biên (2004), *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, tập 5, sđd: 338 - 339.
- 6 Trần Nghĩa Phương (2009), “Bạo loạn ở Tân Cương phải chăng là mâu thuẫn dân tộc và tôn giáo?”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7, 8: 121.
- 7 Võ Kim Quyên (chủ biên, 2004), *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, tập 5, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 36 - 44.
- 8 Yển Khả Giai (2006), *Giáo hội Công giáo Trung Quốc*, Nxb. Truyền bá Ngũ châu Trung Quốc. Nguyễn Thị Bạch Tuyết dịch, Phạm Văn Chương hiệu đính, bản dịch sang tiếng Việt được xuất bản tại Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 97.
- 9 Yển Khả Giai (2006), sđd: 97.
- 10 Vương Tác An (2010), *Những vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Trung Quốc*, Nxb. Văn hóa Tôn giáo, Hà Nội: 31.
- 11 Võ Kim Quyên (chủ biên, 2004), *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, Tập 5, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 142 - 143.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vương Tác An (2010), *Những vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Trung Quốc*, Nxb. Văn hóa Tôn giáo, Hà Nội.

2. Tăng Truyền Huy (2009), “Giải mã tình hình chính trị và tôn giáo Tây Tạng đương đại qua so sánh bốn Văn kiện lịch sử quan trọng”, Trần Nghĩa Phương dịch, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2.
3. Ủy ban Hiệp thương chính trị toàn quốc về tôn giáo và dân tộc (2008), *Khái quát tôn giáo Trung Quốc*, Nxb. Lịch sử văn hóa Trung Quốc.
4. Võ Kim Quyên (chủ biên, 2004), *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, tập 5, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Trần Nghĩa Phương (2009), “Bạo loạn ở Tân Cương phải chăng là mâu thuẫn dân tộc và tôn giáo?”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7, 8.
6. Yên Khả Giai (2006), *Giáo hội Công giáo Trung Quốc*, Nxb. Truyền bá Ngũ châu Trung Quốc. Nguyễn Thị Bạch Tuyết dịch, Phạm Văn Chương hiệu đính, bản dịch sang tiếng Việt được xuất bản tại Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

Abstract

AN OVERVIEW ON FIVE MAINSTREAM RELIGIONS IN CHINA

There are many religions in China, however, the Chinese State has recognized and protected five religions such as Buddhism, Taoism, Islam, Catholicism, and Protestantism. These religions have endeavored to adapt to Chinese society, according to each historical period and they have also promoted their role in the cause of construction the Socialism with Chinese characteristics. However, there are complex issues in each religion, such as “Tibet” in Buddhism, “Taoist house clergymen” in Taoism, “Catholic underground Church” in Catholicism, “Protestant house church” in Protestantism, etc.. This text generalized the main features of these religions in China.

Keywords: Buddhism, Taoism, Islam, Catholicism, Protestantism, China.